

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2024 trên địa bàn huyện Kon Rẫy

Căn cứ Kế hoạch số 2378/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum và tình hình triển khai công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn huyện năm 2023¹;

Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2024 trên địa bàn huyện Kon Rẫy, như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Duy trì thành quả và nâng cao hiệu quả công tác tiêm chủng mở rộng (TCMR).

- Triển khai các vắc xin mới trong TCMR (vắc xin Rota, Td).

2. Chỉ tiêu chuyên môn: Đạt các chỉ tiêu về tỷ lệ tiêm chủng và chỉ tiêu giám sát bệnh trong TCMR năm 2024, gồm:

a) Chỉ tiêu tiêm chủng các vắc xin TCMR:

| TT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu năm 2023 | Chỉ tiêu năm 2024 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tỷ lệ TCĐĐ các loại vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi (lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, Hib, bại liệt uống, sởi) | ≥97% | ≥97% |
| 2 | Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ | ≥80% | ≥90% |
| 3 | Tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván 2 (UV2+) cho phụ nữ có thai | ≥92% | ≥92% |
| 4 | Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản | ≥90% | ≥90% |

¹ Có phụ lục kèm theo

| | | | |
|---|-----------------------------------------------------|------|------|
| 5 | Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi-rubella | ≥95% | ≥95% |
| 6 | Tỷ lệ tiêm vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) | ≥92% | ≥92% |
| 7 | Tỷ lệ tiêm vắc xin bại liệt (IPV) | ≥90% | ≥90% |
| 8 | Tỷ lệ uống vắc xin Rota tại vùng triển khai | - | ≥90% |

b) Chỉ tiêu giám sát bệnh trong TCMR:

| TT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu năm 2023 | Chỉ tiêu năm 2024 |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Không có vi rút bại liệt hoang dại | 0 trường hợp | 0 trường hợp |
| 2 | 100% huyện đạt tiêu chuẩn loại trừ UVSS | 100% xã đạt | 100% xã đạt |
| 3 | Tỷ lệ mắc sởi | ≤ 5/100.000 người | ≤ 5/100.000 người |
| 4 | Tỷ lệ mắc bạch hầu | ≤ 0,05/100.000 người | ≤ 0,1/100.000 người |
| 5 | Tỷ lệ mắc ho gà | ≤1/100.000 người | ≤1/100.000 người |
| 6 | Ca LMC được điều tra và lấy mẫu | ≥ 1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi | ≥ 1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi |
| 7 | Ca nghi sởi/rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm | ≥ 2/100.000 dân trên phạm vi xã | ≥ 2/100.000 dân trên phạm vi xã |
| 8 | Số ca chết sơ sinh được điều tra | ≥2/1.000 trẻ đẻ sống | ≥2/1.000 trẻ đẻ sống |

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Triển khai trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng và nhu cầu vắc xin

a) Đối tượng: Căn cứ nhu cầu đăng ký của 07/07 xã, thị trấn đối tượng thuộc Chương trình TCMR năm 2024 gồm: Trẻ em dưới 1 tuổi: 612 trẻ; Phụ nữ có thai: 612 người ²(Chi tiết tại Phụ lục II).

b) Nhu cầu vắc xin năm 2024: Được ước tính trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các xã, thị trấn (bao gồm số vắc xin để tiêm bù mũi cho những đối tượng thuộc Chương trình TCMR năm 2023 chưa được tiêm chủng đủ mũi, đối tượng năm 2024 và dự trữ trong 6 tháng năm 2025 theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng), cụ thể:

² Văn bản số 1627/YTKR-KSBT&HIV/AIDS, ngày 21/11/2023 của Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy về việc đăng ký đối tượng Tiêm chủng mở rộng năm 2024

| TT | Loại vắc xin | Tổng nhu cầu vắc xin năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 ³ | Số tồn năm 2023 | Số đã được cấp đến 15/6/2024 | Nhu cầu vắc xin còn lại |
|----|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| | | (liều) | (liều) | (liều) | (liều) |
| 1 | Viêm gan B sơ sinh | 922 | 52 | 50 | 820 |
| 2 | Lao | 2.360 | 0 | 1.150 | 1.210 |
| 3 | DPT-VGB-Hib | 2.979 | 0 | 1.490 | 1.489 |
| 4 | Bại liệt uống | 5.670 | 0 | 1.500 | 5.520 |
| 5 | Bại liệt tiêm | 3.780 | 0 | 600 | 3.180 |
| 6 | Sởi | 1.860 | 0 | 1.150 | 710 |
| 7 | Sởi-rubella | 1.860 | 0 | 700 | 1.160 |
| 8 | Viêm não Nhật Bản | 2.645(ml) | 0 | 950 | 1.695 |
| 9 | Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT) | 2.520 | 0 | 980 | 1.540 |
| 10 | Uốn ván | 5.720 | 0 | 1.460 | 4.260 |
| 11 | Rota | 1.850 | 0 | 0 | 1.850 |
| 12 | Uốn ván - Bạch hầu (Td) | 0 | 0 | 0 | 0 |

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Bảo dưỡng hệ thống dây chuyền lạnh

- Nội dung: Tổ chức rà soát, huy động nguồn lực đầu tư, phối hợp với các tổ chức, đơn vị liên quan tiếp nhận, thay thế các tủ lạnh đã hư hỏng, đảm bảo 100% cơ sở TCMR có hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin an toàn, hiệu quả. Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chuẩn hệ thống dây chuyền lạnh các tuyến theo quy định.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị liên quan thực hiện thường xuyên.

2. Tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển vắc xin

- Nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự trữ vắc xin và vật tư tiêm chủng gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum nhằm đảm bảo được cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại vắc xin và vật tư cho tiêm chủng thường xuyên và tiêm chủng chiến dịch.

³ Văn bản số 853/YTKR-KSBT&HIV/AIDS-TV&ĐTNC, ngày 29/5/2024 của Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy về việc dự kiến nhu cầu vắc xin sử dụng trong chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026

+ Thực hiện tiếp nhận vắc xin từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum và bảo quản vắc xin tại kho của huyện. Kịp thời phân bổ, điều tiết vắc xin cho các xã để triển khai tiêm chủng, không để xảy ra tình trạng tồn đọng vắc xin tại kho của tuyến huyện hoặc tình trạng thiếu, thừa vắc xin tại tuyến xã.

+ Tăng cường công tác quản lý, bảo quản, vận chuyển vắc xin để đảm bảo vắc xin luôn có chất lượng tốt, giảm hao phí vắc xin và đảm bảo an toàn tiêm chủng.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

3. Triển khai kế hoạch sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR đảm bảo tiêm chủng an toàn và đạt tiến độ

- Nội dung: Tổ chức tiêm chủng các vắc xin trong TCMR đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, đảm bảo kịp thời, an toàn, hiệu quả; tổ chức tiêm chủng vắc xin viêm gan B sơ sinh tại Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế; tổ chức tiêm chủng cho trẻ có bệnh nền, trẻ cần khám sàng lọc tại bệnh viện; tổ chức tiêm chủng thường xuyên ít nhất 2 lần/tháng, thực hiện tiêm vét ngay trong tháng; tiếp tục triển khai tiêm vét, tiêm bù mũi các vắc xin trong TCMR cho đối tượng chưa tiêm chủng hoặc chưa tiêm chủng đủ mũi.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

4. Tăng cường giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR

- Nội dung: Duy trì giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR. Điều tra ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định đối với trường hợp liệt mềm cấp, nghi sởi, rubella, chết sơ sinh, nghi uốn ván sơ sinh tại các cơ sở Y tế và cộng đồng đạt chỉ tiêu đề ra; lòng ghép giám sát phát hiện các bệnh trong TCMR.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

5. Tăng cường an toàn tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng và kiểm tra, giám sát hoạt động tiêm chủng

- Nội dung:

+ Duy trì hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng các vắc xin trong TCMR; tổ chức các lớp tập huấn và tập huấn lại cho cán bộ làm công tác TCMR các tuyến về thực hiện tiêm chủng an toàn, giám sát, phát hiện, điều tra các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng.

+ Triển khai các hoạt động giám sát chủ động và giám sát thường quy hoạt động tiêm chủng theo kế hoạch.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

6. Tổ chức thống kê, báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý số liệu tiêm chủng

- Nội dung: Tổng hợp, báo cáo kết quả TCMR, tình hình sử dụng vắc xin và vật tư tiêm chủng hàng tháng, hàng quý, năm theo quy định. Quản lý 100% đối tượng tiêm chủng và lịch sử tiêm chủng trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia. Tổng hợp các lỗi liên quan đến phần mềm và các khó khăn trong quá trình thực hiện, gửi báo cáo lên tuyến trên theo quy định.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

7. Công tác truyền thông, đào tạo, giám sát, đánh giá

- Nội dung:

+ Triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông bao gồm: xây dựng các chương trình, tọa đàm, phóng sự về vai trò, ý nghĩa, hiệu quả của Chương trình TCMR; xây dựng các bộ tài liệu truyền thông về TCMR (*Thực hiện các Infographic, poster, video, cập nhật các thông điệp, khuyến cáo về tiêm chủng đúng lịch, an toàn tiêm chủng, theo dõi và phát hiện các phản ứng sau tiêm chủng...*); tổ chức các lớp tập huấn truyền thông về tiêm chủng.

+ Triển khai hoạt động giám sát TCMR; xây dựng, cập nhật tài liệu chuyên môn, quy trình kỹ thuật về triển khai công tác TCMR và phổ biến cho các tuyến.

+ Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thực hành tiêm chủng, an toàn tiêm chủng, giám sát bệnh trong TCMR.

- Thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông huyện phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã thực hiện thường xuyên.

8. Rà soát đối tượng, xác định nhu cầu vắc xin năm 2025

- Nội dung: Thực hiện việc rà soát số lượng trẻ em, phụ nữ có thai thuộc đối tượng của Chương trình TCMR để dự trù số lượng vắc xin, bố trí nguồn lực, xây dựng kế hoạch triển khai TCMR năm 2025.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện, Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve và các Trạm Y tế xã. Thời gian: Quý II-III năm 2024.

9. Quản lý, điều hành hoạt động TCMR

- Nội dung: Chỉ đạo thường xuyên và kịp thời, đôn đốc địa phương triển khai hoạt động TCMR năm 2024 đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra; thực hiện kiểm

tra, giám sát công tác TCMR tại các tuyến; theo dõi, điều phối vắc xin giữa các địa phương để đảm bảo sử dụng vắc xin hiệu quả.

- Thực hiện: Trung tâm Y tế huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện thường xuyên.

IV. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

1. Kinh phí Trung ương: Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động trong Chương trình TCMR theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

2. Kinh phí địa phương: Sử dụng ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (*nếu có*) theo quy định; nguồn kinh phí lồng ghép trong việc triển khai chương trình, đề án, dự án có liên quan của các Sở, ban ngành; đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội; các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế huyện:

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm hoạt động của Chương trình TCMR năm 2024 đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tăng cường truyền thông vận động đối tượng tiêm chủng, phụ nữ có thai, người dân đưa trẻ đi tiêm vắc xin phòng bệnh, đúng lịch, đủ liều.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động tiêm chủng đảm bảo hiệu quả, kịp thời, an toàn; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện, quản lý số liệu và báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, thống kê, tổng hợp nhu cầu các vắc xin trong TCMR trên địa bàn huyện trình Ủy ban nhân dân huyện gửi về Sở Y tế theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện cân đối dự toán chi sự nghiệp Y tế đã bố trí cho ngành theo phân cấp để thực hiện hoạt động TCMR theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông huyện: Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế huyện thực hiện thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng các chủ trương, chính sách về hoạt động tiêm chủng; tác dụng, lợi ích và sự cần thiết của việc

tiêm chủng vắc xin để người dân tích cực tham gia tiêm chủng, bảo vệ bản thân và cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình TCMR năm 2024 tại địa phương; bố trí nguồn lực thực hiện và kinh phí ngân sách địa phương cho hoạt động Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn theo phân cấp ngân sách, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đảm bảo các quy định hiện hành.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai hoạt động tiêm chủng trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện về kết quả hoạt động tiêm chủng trên địa bàn quản lý.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về tiêm chủng, xây dựng và phát triển các mô hình truyền thông phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế tại địa phương.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã, thị trấn⁴ quản lý lập dự kiến nhu cầu vắc xin cả năm theo quy định, tổng hợp gửi về Trung tâm Y tế huyện trước ngày 25 tháng 5 hằng năm để tổng hợp.

5. Các ban, ngành, đơn vị khác: Theo chức năng, nhiệm vụ, tích cực phối hợp với Trung tâm Y tế huyện; vận động công chức, viên chức và người lao động, người dân tích cực tham gia thực hiện các hoạt động tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2024 trên địa bàn huyện Kon Rẫy./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- TT Huyện ủy(b/c);
- TT HĐND huyện(b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các đơn vị liên quan tại mục V;
- Lưu: VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Thị Hồng Thu

⁴ Phòng khám đa khoa khu vực

Phụ lục I
KẾT QUẢ CÔNG TÁC TCMR NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

| TT | Mục tiêu/chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Kết quả | Nhận xét |
|----|------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------|
| | | | 2023* | |
| 1 | Không để bại liệt quay trở lại | Không | Không | Đạt |
| 2 | Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh | 100% | 100% xã đạt | Đạt |
| | | xã đạt | | |
| 3 | Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi | $\geq 97\%$ | 81 | Không đạt |
| 4 | Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh <24 giờ | $\geq 80\%$ | 55 | Không đạt |
| 5 | Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng lao | $\geq 97\%$ | 98 | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ tiêm vắc xin DPT-VGB-Hib mũi 3 | $\geq 97\%$ | 83 | Không đạt |
| 7 | Tỷ lệ uống vắc xin bại liệt (bOPV) lần 3 | $\geq 97\%$ | 91 | Không đạt |

| | | | | |
|----|------------------------------------------------------|-------------------------|------|-----------|
| 8 | Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi | $\geq 97\%$ | 98 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ tiêm vắc xin bại liệt (IPV) mũi 2 | $\geq 90\%$ | 93 | Đạt |
| 10 | Tỷ lệ trẻ vắc xin viêm não Nhật Bản | | | |
| - | Mũi 1 | $\geq 90\%$ | 99 | Đạt |
| - | Mũi 2 | $\geq 90\%$ | 98 | Đạt |
| - | Mũi 3 | $\geq 90\%$ | 97,5 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi - rubella | $\geq 92\%$ | 96 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ tiêm vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) | $\geq 92\%$ | 87 | Không đạt |
| 13 | Tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván (UV2+) cho phụ nữ có thai | $\geq 92\%$ | 95 | Đạt |
| 14 | Tỷ lệ mắc sởi | $\leq 5/100.000$ dân | 0 | Đạt |
| 15 | Tỷ lệ mắc bạch hầu | $\leq 0.05/100.000$ dân | 0 | Đạt |
| 16 | Tỷ lệ mắc ho gà | $\leq 1/100.000$ dân | 0 | Đạt |

*Ghi chú: * Kết quả thực hiện năm 2023 đã được cập nhật số tiêm bù/tiêm vét cho đối tượng của năm 2023 đến hết ngày 30/6/2024.*

Nhận xét: Năm 2023, việc cung ứng vắc xin từ Bộ Y tế cho các địa phương trong TCMR bị gián đoạn, các vắc xin trong Chương trình TCMR không đủ để triển khai các hoạt động tiêm chủng thường xuyên nên tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin đạt rất thấp, không đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

2. Các hoạt động đã triển khai

- Ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để triển khai thực hiện tốt công tác tiêm chủng trên địa bàn huyện. Tiếp nhận và phân phối kịp thời các loại vắc xin trong TCMR, đúng theo tiến độ cung

ứng vắc xin từ tuyến trên. Thực hiện tốt công tác giám sát tình hình bệnh truyền nhiễm trong Chương trình TCMR, không ghi nhận các trường hợp mắc/chết các bệnh truyền nhiễm trong Chương trình. Triển khai các hoạt động tiêm vét/tiêm bổ sung các vắc xin: Bại liệt tiêm (IPV) cho trẻ sinh năm 2021-2022 (*đạt tỷ lệ 90,3%*); tiêm bổ sung vắc xin uốn cho phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng nguy cơ cao (*kết quả cập nhật đến ngày 30/6/2024 đạt tỷ lệ 96.9%*).

- Công tác kiểm tra, giám sát: Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh giám sát tại các cơ sở Y tế trên địa bàn huyện nhằm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng thực hiện đúng các quy định hiện hành về TCMR.

- Tiếp nhận và đưa vào sử dụng các tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin (*gồm 01 tủ TCW4000AC và 08 tủ lạnh HBC80*), công tác bảo quản vắc xin được duy trì hiệu quả, góp phần đảm bảo an toàn tiêm chủng và nâng cao hiệu quả hoạt động tiêm chủng trên địa bàn huyện.

3. Một số khó khăn và nguyên nhân

- Nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc tiêm vắc xin còn thấp; một số bà mẹ còn e dè về các phản ứng sau tiêm vắc xin, sợ trẻ ốm, sốt sau tiêm nên không đưa trẻ đi tiêm chủng.

- Hoạt động tiêm chủng vắc xin viêm gan B trong vòng 24h sau sinh chủ yếu thực hiện tại các bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế huyện. Triển khai tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh vẫn còn là thách thức tại địa phương, với đặc thù là huyện miền núi, tỷ lệ sinh tại nhà vẫn còn cao của một số bộ phận người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia chưa hoàn thiện, hoạt động thiếu ổn định, gây khó khăn cho các cơ sở tiêm chủng khi thực hiện Hệ thống./.

Phụ lục II
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)*

1. Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Dược năm 2016.
2. Các Nghị định của Chính phủ: số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về hoạt động tiêm chủng; số 13/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP; số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
3. Các Nghị định của Chính phủ: số 104/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 về Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình TCMR giai đoạn 2021-2030; số 224/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 về đảm bảo kinh phí mua vắc xin cho Chương trình TCMR.
4. Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 10/2024/TT-BYT ngày 13 tháng 6 năm 2024 ban hành Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc; số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ; số 34/2018/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP; số 24/2018/TT-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2018 quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin; số 05/2020/TT-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BYT.
5. Quyết định số 1286/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030.
6. Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 3421/QĐ-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2017 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia; số 3384/QĐ-BYT ngày 03 tháng 8 năm 2020 ban hành Hệ số sử dụng vắc xin và vật tư tiêu hao trong TCMR; số 1575/QĐ-BYT ngày 27 tháng 3 năm 2023 ban hành Hướng dẫn khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em; số 1728/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2023 ban hành Kế hoạch của Bộ Y tế triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030 theo Quyết định số 1286/QĐ-TTg; số 697/QĐ-BYT ngày 22 tháng 3 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Kế hoạch của Bộ Y tế triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030

theo Quyết định số 1286/QĐ-TTg; số 1596/QĐ-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2024 ban hành Kế hoạch TCMR năm 2024.

7. Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum.

Phụ lục III
SỐ ĐỐI TƯỢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TCMR NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)

| TT | Đơn vị | Tổng số xã | Số xã miền núi đặc biệt khó khăn | Dân số | Trẻ < 1 tuổi | | Trẻ 18 tháng | | Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi) | | | | Trẻ 7 tuổi | | Phụ nữ có thai | |
|-------------------|------------------|------------|----------------------------------|---------------|----------------|-------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------|-------------------------------------|
| | | | | | Số trẻ <1 tuổi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn | Số trẻ 18 tháng | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn | Số trẻ tiêm 2 mũi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn | Số trẻ tiêm 3 | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn | Số trẻ 7 tuổi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn | Số PNCT | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đăk Kôi | 1 | 1 | 3067 | 62 | 62 | 62 | 62 | 62 | 62 | 62 | 62 | 59 | 59 | 62 | 62 |
| 2 | Đăk Ruông | 1 | 1 | 5910 | 132 | 0 | 132 | 0 | 132 | 0 | 132 | 0 | 132 | 0 | 132 | 0 |
| 3 | Thị trấn Đăk Rve | 1 | 1 | 5744 | 80 | 0 | 80 | 0 | 80 | 0 | 80 | 0 | 104 | 0 | 80 | 0 |
| 4 | Tân Lập | 1 | 1 | 4264 | 65 | 0 | 65 | 0 | 65 | 0 | 65 | 0 | 70 | 0 | 65 | 0 |
| 5 | Đăk Pnê | 1 | 1 | 2403 | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 | 55 | 60 | 60 | 60 |
| 6 | Đăk Tơ Lung | 1 | 1 | 2777 | 61 | 28 | 61 | 28 | 61 | 28 | 61 | 28 | 60 | 26 | 61 | 28 |
| 7 | Đăk Tờ Re | 1 | 1 | 7036 | 152 | 152 | 152 | 152 | 152 | 152 | 152 | 152 | 146 | 146 | 152 | 152 |
| Tổng cộng: | | 7 | 7 | 31.201 | 612 | 302 | 612 | 302 | 612 | 302 | 612 | 302 | 626 | 291 | 612 | 302 |

Ghi chú: - Số huyện miền núi khó khăn/huyện nghèo được quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Số xã miền núi khó khăn và đặc biệt khó khăn được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.